|  |  |
| --- | --- |
| BỘ NÔNG NGHIỆPVÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| **HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM** |  |

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

NGÀNH ĐÀO TẠO: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

CHUYÊN NGÀNH 1: CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM

CHUYÊN NGÀNH 2: QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG VÀ AN TOÀN THỰC PHẨM

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN**

THỰC TẬP NGHỀ NGHIỆP (Vocational training)

**I. Thông tin về học phần**

* + Mã học phần: CP03075
  + Học kỳ: 5
  + Tín chỉ: **13 (Lý thuyết: 0 – Thực hành: 13)**
  + **Tự học: 26**
  + Giờ tín chỉ đối với các hoạt động học tập

+ Thực tập thực tế ngoài trường: 195

* + Tự học: 390 tiết
  + Đơn vị phụ trách:

+ Khoa Công nghệ thực phẩm

* + Học phần thuộc khối kiến thức:

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Đại cương □ | | Cơ sở ngành | | Chuyên ngành 1 ⌧ | | Chuyên ngành 2 ⌧ | |
| Bắt buộc □ | Tự chọn □ | Bắt buộc  □ | Tự chọn □ | Bắt buộc ⌧ | Tự chọn □ | Bắt buộc ⌧ | Tự chọn □ |

* + Học phần tiên quyết: Kỹ thuật thực phẩm 3
  + Ngôn ngữ giảng dạy: tiếng Anh Tiếng Việt ⌧

**II. Mục tiêu và kết quả học tập mong đợi**

***\* Mục tiêu***:

* Về kiến thức: Vận dụng, phân tích được cơ sở lý thuyết chuyên ngành vào thực tiễn sản xuất ở các lĩnh vực sơ chế, bảo quản và chế biến thực phẩm. Từ đó phát triển kiến thức chuyên môn nghề nghiệp.
* Về kỹ năng: Phát triển kỹ năng nghề nghiệp chuyên môn, đặc biệt trong thực tiễn sản xuất công nghiệp.
* Về thái độ: Phát triển và rèn luyện tư duy hệ thống, kỹ năng làm việc nhóm và đạo đức nghề nghiệp cho sinh viên, thích ứng với môi trường làm việc công nghiệp.

***\* Kết quả học tập mong đợi của học phần:***

Học phần đóng góp cho Chuẩn đầu ra sau đây của CTĐT theo mức độ sau:

1. *Không đóng góp; 2. Đóng góp ít; 3. Đóng góp nhiều*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Mã HP | Tên HP | Mức độ đóng góp của học phần cho CĐR của CTĐT | | | | | | | |
| CP03075 | Thực tập nghề nghiệp | CĐR1 | CĐR2 | CĐR3 | CĐR4 | CĐR5 | CĐR6 | CĐR7 | CĐR8 |
| 1 | 1 | 3 | 3 | 2 | 2 | 2 | 2 |
| CĐR9 | CĐR10 | CĐR11 | CĐR12 | CĐR13 | CĐR14 | CĐR15 | CĐR16 |
| 3 | 2 | 3 | 2 | 3 | 3 | 1 | 3 |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Ký hiệu** | **KQHTMĐ của học phần**  **Hoàn thành học phần này, sinh viên thực hiện được** | **CĐR của CTĐT** |
| Kiến thức | |  |
| K1 | Vận dụng được các kiến thức cơ sở và chuyên ngành để phân tích các công nghệ, thiết bị trong sơ chế, bảo quản và chế biến thực phẩm. | CĐR3, CĐR4, CĐR5, |
| K2 | Phân tích được yếu tố nguyên liệu, thành phẩm và hệ thống đảm bảo chất lượng của cơ sở sản xuất. | CĐR6, CĐR7, CĐR8, |
| Kỹ năng | |  |
| K3 | Phát triển được kỹ năng nghề nghiệp, đặc biệt trong thực tiễn sản xuất công nghiệp | CĐR10, CĐR11, CĐR12, CĐR13, CĐR14 |
| K4 | Phát triển được một số kỹ năng mềm như tổ chức và làm việc nhóm hiệu quả | CĐR9, CĐR10 |
| Năng lực tự chủ và trách nhiệm | |  |
| K5 | Có tinh thần trách nhiệm và nghiêm túc trong học tập | CĐR 16 |
| K6 | Đáp ứng được các đòi hỏi về tính trách nhiệm với bản thân, môi trường và xã hội trong lĩnh vực sản xuất, chế biến chè. | CĐR 16 |

**III. Nội dung tóm tắt của học phần**

**CP03075. Thực tập nghề nghiệp (Vocational training). (13TC: 0 – 13– 26).**

Tìm hiểu về lịch sử hình thành, phát triển, hoạt động marketing, kinh doanh, vấn đề tổ chức, văn hóa của các cơ sơ sản xuất; Tìm hiểu về  thành phần, tiêu chuẩn, hệ thống đảm bảo chất lượng nguyên liệu, sản phẩm; Nắm bắt được cấu tạo, nguyên lý hoạt động, kỹ thuật sử dụng các thiết bị và các thông số công nghệ trong từng công đoạn của quy trình sản xuất; Nắm bắt được phương thức/ hệ thống quản lý chất lượng; Liên hệ, phân tích, thảo luận giữa lý thuyết được học và thực tiễn sản xuất. *Điều kiện: từ học kỳ thứ 5*

**IV. Phương pháp giảng dạy và học tập**

**1. Phương pháp giảng dạy**

1. Hướng dẫn trực tiếp tại dây chuyền sản xuất

2. Thảo luận

**2. Phương pháp học tập**

- Tham quan các công đoạn, quy trình sản xuất của cơ sở sản xuất;

- Trực tiếp làm việc ở các/một số công đoạn của dây chuyền sản xuất;

- Viết báo cáo về quá trình thực tập;

- Thuyết trình trên lớp

**3. Thời gian:**

- Thời gian thực tập nghề nghiệp là 06 tuần (dự kiến). Trong đó:

**4. Tổ chức thực hiện:**

**4.1. Tại Học viện:**

* Căn cứ vào số lượng sinh viên từng khóa, Khoa sẽ xây dựng kế hoạch thực tập, địa điểm thực tập nghề nghiệp cụ thể cho từng năm học;
* Sinh viên đăng ký nhóm thực tập nghề nghiêp phù hợp với nhu cầu học tập của cá nhân;
* Khoa phân công GVHD các nhóm sinh viên thực tập nghề nghiệp;
* Giàng viên hướng dẫn xây dựng kế hoạch thực tập nghề nghiệp dựa trên tình hình cụ thể của cơ sở thực tập nghề nghiệp và đánh giá kết quả thực tập nghề nghiệp của sinh viên

**4.2. Tại đơn vị thực tập**

* Sinh viên phải chấp hành mọi nội qui, qui định của Khoa, cơ sở sản xuất trong thời gian thực tập và các chỉ dẫn, hướng dẫn, phân công của cán bộ trực tiếp hướng dẫn;
* Cuối đợt thực tập sinh viên phải hoàn thiện báo cáo thực tập nhóm theo đề cương được cụ thể hóa bởi GVHD.

**V. Nhiệm vụ của sinh viên**

- Nghiên cứu, nắm bắt và thực hiện tốt đề cương và kế hoạch rèn nghề.

- Nghiên cứu kỹ các kiến thức lý thuyết liên quan trước khi đến cơ sở sản xuất.

- Thực hiện tốt nội quy rèn nghề của Khoa, nội quy, quy định của cơ sở sản xuất.

- Chuẩn bị và trình bày báo cáo kết quả rèn nghề.

**VI. Đánh giá và cho điểm**

***1. Thang điểm: 10***

***2.*** ***Điểm trung bình của học phần là tổng điểm của các rubric nhân với trọng số tương ứng của từng rubric***

***3. Phương pháp đánh giá***

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Rubric** | **KQHTMĐ được đánh giá** | **Trọng số (%)** | **Tuần** |
| Rubric 1: Đánh giá ý thức tổ chức kỷ luật | K4, K5, K6 | 30 | 1-6 |
| Rubric 2 – Đánh giá báo cáo tổng kết | K1, K2, K3 | 70 | Theo lịch của Khoa (tuần sau khi kết thúc rèn nghê) |

**Rubric 1: Đánh giá ý thức, tổ chức kỷ luật làm việc**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tiêu chí** | **Trọng số (%)** | **Tốt**  **8.5-10** | **Khá Tốt**  **6.5-8.4** | **Đạt**  **4.0-6.4** | **Kém**  **0-3.9** |
| Tinh thần, trách nhiệm trong công việc | 50 | Trách nhiệm cao trong công việc; Thực hiện **tốt** công việc được phân công của cán bộ quản lý | Trách nhiệm trong công việc; Thực hiện **khá** tốt công việc được phân công của cán bộ quản lý | Thực hiện **khá** tốt công việc được phân công của cán bộ quản lý nhưng thường xuyên phải hướng dẫn, nhắc nhở | Trách nhiệm thấp, thường xuyên phải nhắc nhở |
| Ý thức tổ chức, kỷ luật | 50 | Tùy thực tế đáp ứng của sinh viên đối với nội quy rèn nghề và quy định của cơ sở sản xuất (mỗi vi phạm nhỏ trừ 1 điểm, vi phạm lớn xử lý theo Nội quy rèn nghề và Quy định dạy và học của HV) | | | |

**Rubric 2. Đánh giá Báo cáo kết quả**

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Tiêu chí*** | | ***Trọng số %*** | **Tốt**  **8.5-10** | **Khá Tốt**  **6.5-8.4** | **Đạt**  **4.0-6.4** | **Kém**  **0-3.9** | |
| Nội dung báo cáo | Cấu trúc, hình thức báo cáo | 10 | Cân đối, hợp lý; hình thức đẹp; rất ít lỗi chính tả và chế bản | Khá cân đối, hợp lý; hình thức bình thường; có một số lỗi chính tả và chế bản | Tính cân đối trong cấu trúc báo cáo còn bất cập; nhiều lỗi chính tả và chế bản | Không cân đối, thiếu hợp lý; Hình thức xấu; trình bày cẩu thả | |
| Tính đầy đủ | 20 | Có đầy đủ kết quả theo đề cương rèn nghề | Thiếu một vài nội dung nhỏ | Thiếu một vài nội dung lớn | Thiếu nhiều nội dung lớn | |
| Chất lượng thông tin và thảo luận | 20 | Kết quả (thông tin) chính xác, khách quan; Liên hệ lý thuyết với thực tiễn tốt, có phân tích, so sánh, kết luận | Một số kết quả chưa chuẩn xác; Có liên hệ lý thuyết với thực tiễn; có phân tích, so sánh | Nhiều kết quả chưa chuẩn xác; Ít thảo luận phân tích, so sánh | Rất kém tin cậy; Không hiểu nhiều về vấn đề trình bày | |
| Trình bày báo cáo | Hình thức, bố cục; Kỹ năng trình bày và phối hợp nhóm | 10 | Cân đối, hợp lý; khoa học, hình thức đẹp; Trình bày lưu loát, phối hợp tốt | Khá cân đối, hợp lý; hình thức bình thường; Kỹ năng trình bày và phối hợp nhóm khá | Cấu trúc báo cáo còn bất cập; hình thức bình thường; Kỹ năng trình bày và phối hợp nhóm còn bất cập | | Không cân đối, thiếu hợp lý; Hình thức xấu; trình bày cẩu thả; Kỹ năng trình bày và phối hợp nhóm kém |
| Nội dung trình bày | 20 | Lựa chọn nội dung trình bày hợp lý, khoa học, kết quả tin cậy cao, liên hệ thảo luận tốt | Lựa chọn nội dung trình bày khá hợp lý, kết quả khá tin cậy, có liên hệ thảo luận | Lựa chọn nội dung trình bày còn nhiều điểm chưa hợp lý, kết quả nhiều sai sót, thảo luận kém | | Lựa chọn nội dung trình bày rất không hợp lý, kết quả kém tin cậy, không có thảo luận kết quả |
| Trả lời câu hỏi | 20 | Tùy theo mức độ đáp ứng của sinh viên | | | | |

***4. Các yêu cầu, quy định đối với học phần***

**-**  Tuân thủ nội quy rèn nghề của Khoa, quy định của cơ sở sản xuất;

* Tham gia đầy đủ thời lượng và nắm vững các nội dung rèn nghề ;
* Đọc thêm tài liệu để trang bị kiến thức cho học phần .

**VII. Giáo trình/ tài liệu tham khảo**

Giáo trình/bài giảng và sách tham khảo các học phần công nghệ chuyên ngành.

**VIII. Nội dung chi tiết của học phần**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Nội dung thực tập** | **Địa điểm thực hiện** |
| **1** | Tìm hiểu lịch sử hình thành phát triển, tình hình sản xuất kinh doanh của CSSX | Tại cơ sở sản xuất |
| **2** | Tìm hiểu các hoạt động marketing, kinh doanh của CSSX | Tại cơ sở sản xuất |
| **3** | Tìm hiểu và phân tích hệ thống đảm bảo chất lượng doanh | Tại cơ sở sản xuất |
| **4** | Tìm hiểu các vấn đề tổ chức và văn hóa của doanh nghiệp | Tại cơ sở sản xuất |
| **5** | Tìm hiểu thành phần, tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu của công ty | Tại cơ sở sản xuất |
| **6** | Tìm hiểu, phân tích thiết bị (loại, model, thông số kỹ thuật, cấu tạo, nguyên lý hoạt động, quy trình vận hành) và các thông số công nghệ trong từng công đoạn của quy trình sản xuất | Tại cơ sở sản xuất |
| **7** | Các chỉ tiêu và phương pháp kiểm tra, đánh giá ở từng công đoạn của quy trình sản xuất. | Tại cơ sở sản xuất |
| **8** | Chỉ tiêu chất lượng sản phẩm | Tại cơ sở sản xuất |
| **9** | Tham gia trực tiếp sản xuất trong dây chuyền | Tại cơ sở sản xuất |
|  | **Tổng** |  |

**IX. Yêu cầu của giảng viên đối với học phần:**

- Yêu cầu của giảng viên đối với sinh viên: Tham dự đầy đủ để nắm vững các nội dung quan trọng của rèn nghề; và đọc thêm tài liệu để trang bị kiến thức cho học phần

*Hà Nội, ngày…….tháng……năm…..*

**TRƯỞNG KHOA DUYỆT CỦA HỌC VIỆN**

*(Kí và ghi rõ họ tên)*

**PHỤ LỤC**

**THÔNG TIN VỀ ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN GIẢNG DẠY HỌC PHẦN**

**Giảng viên phụ trách học phần**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên: | Học hàm, học vị: |
| Địa chỉ cơ quan: | Điện thoại liên hệ: |
| Email: | Trang web: |
| Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, tin nhắn, gọi điện | |

**Giảng viên hỗ trợ /trợ giảng**

|  |  |
| --- | --- |
| Họ và tên: | Học hàm, học vị: |
| Địa chỉ cơ quan: | Điện thoại liên hệ: |
| Email: | Trang web: |
| Cách liên lạc với giảng viên: Qua email, tin nhắn, gọi điện | |